TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tấn Bảo.

2/ Ông Lê Đức Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2026/TLST-HN&GĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-HN&GĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Số 175, đường Cây Sung – Bến Đò, thôn Đức Tín 8 (nay là thôn Đắc Hạnh), xã H d, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Bùi Tấn Hoàng A, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số 30, đường số 1A, thôn Đức Tín 6 (nay là thôn Đức Tín), xã H d, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2019, chị T và anh Hoàng A đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (cũ). Sau khi kết hôn. Sau khi kết hôn, chị T và anh Hoàng A chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm, dù nhiều lần cố gắng thay đổi để hòa hợp nH không thành, chị T và anh Hoàng A đã ly thân từ năm 2022. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương,

quý trọng nhau, mẫu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không hàn gắn được, nên chị T yêu cầu ly hôn anh Hoàng A.

Về con chung: Chị T khai nhận giữa chị T và anh Hoàng A đã có với nhau 01 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 03/4/2021. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng T ly hôn anh Bùi Tấn Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Gia H Thư, sinh ngày 03/4/2021.

3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng, chia tài sản và nợ khi ly hôn.

4. Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Trần Thị Hồng T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Bùi Tấn Hoàng A; bị đơn có nơi thường trú tại thôn Đức Tín 6 (nay là thôn Đức Tín), xã H d, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2025/NQ-

HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Hoàng A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã H d, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hoàng A được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh Hoàng A sống chung với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị T là do bất đồng qun điểm, thường xuyên cãi nhau. Qua kết quả xác minh đối với người thân của chị T cho thấy giữa anh Hoàng A và chị T có mâu thuẫn với nhau trong thời kỳ hôn nhân và dẫn đến ly thân.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hoàng A đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Hoàng A.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 111, đăng ký ngày 27/4/2021 tại UBND xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (cũ) thể hiện cháu Bùi Gia H, sinh ngày 03/4/2021 là con chung của anh Bùi Tấn Hoàng A và chị Trần Thị Hồng T.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung, Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Hoàng A về việc nuôi con chung.

Nhận thấy, sau khi chị T và anh Hoàng A không còn sống chung như vợ chồng thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do đó việc thay đổi môi trường sống, môi trường học tập ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến cháu; mặt khác trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Hoàng A biết nH không có ý kiến tranh chấp về việc nuôi con chung, chị T có sức khỏe và không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên; do đó, sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp chia tài sản và nợ khi ly hôn: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng T ly hôn anh Bùi Tấn Hoàng A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, đăng ký ngày 26/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã H d, tỉnh Lâm Đồng) giữa chị Trần Thị Hồng T và anh Bùi Tấn Hoàng A hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 03/4/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp chia tài sản và nợ khi ly hôn: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007706 ngày 28/4/2026. Chị Trần Thị Hồng T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 17;
- Phòng THADS khu vực 17;
- UBND xã H d, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận